

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH TH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 - 2020
V/v yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH TH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Hoàn
2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ
Xuân

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Th Hóa tham gia
phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02
năm 2020 về "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1970, cư trú tại: Thôn P, xã X, huyện
T, tỉnh Th Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969, cư trú tại: Thôn P, xã X,
huyện T, tỉnh Th Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020, các lời khai trong quá
trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ Thị L trình
bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Th tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ
chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân
xã X vào năm 1990, nhưng anh chị đã làm mất giấy chứng nhận kết

hôn, chị có đến UBND xã Xđề xin xác nhận kết hôn, nhưng do không còn sổ lưu, nên không có cơ sở để chứng nhận cho chị và anh Th có đăng ký kết hôn, do đó chị không có giấy chứng nhận kết hôn để xuất trình Tòa án được. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 29 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh Th hay ghen tuông vô cớ và nhiều lần đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng vì các con, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đến tháng 9/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên vợ chồng đã ly thân đến nay không còn qua lại. Nay chị xác định tình cảm không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/9/1992 và cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 12/8/1996. Quan điểm của chị là hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: chị L xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân vào ngày 24/12/1990, nhưng anh chị đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Vợ chồng có lên UBND xã Xđề xin xác nhận việc đăng ký kết hôn, nhưng do Ủy ban không còn sổ lưu giữ, nên không có cơ sở xác nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 29 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 9/2019 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân nhau từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/9/1992 và cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 12/8/1996. Hiện nay 02 cháu đã trưởng thành, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh Th xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 13/3/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã Xcho biết: chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau và đã có 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 12/8/1996. Qua kiểm tra sổ hộ tịch đang lưu giữ tại UBND xã Xvà sổ đăng ký kết hôn năm 1990 không còn lưu giữ, không có sự kiện đăng ký kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Đỗ Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th; Về con chung: Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/9/1992 và cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 12/8/1996 đều đã thành niên, nên không xem xét; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị L khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th, cư trú tại: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Th Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay anh Th vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới theo phong tục. Theo chị L và anh Th khai: anh chị lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 1990, nhưng do làm mất giấy chứng nhận kết hôn, nên không có đề xuất trình Tòa án. Qua việc xác minh tại địa phương, thì đại diện UBND xã X khẳng định: không có sự kiện đăng ký kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Đỗ Thị L. Như vậy, không có cơ sở để khẳng định chị L và anh Th lấy nhau có đăng ký kết hôn, mà chỉ có cơ sở khẳng định anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là vi phạm quy định về “đăng ký kết hôn” tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/9/1992 và cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 12/8/1996. Hiện tại các con đều đã trưởng thành, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th đều

xác định để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th.

2. *Về con chung:* Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn Th có 02 (hai) con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 12/8/1996. Hiện tại các con chung đều đã trưởng thành và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007266 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Đỗ Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Th Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến